

Ngày	51,100 VNĐ		
31/03/2024			
Thay đổi	1 tháng	3 tháng	6 tháng
	7.1%	-1.7%	-3.6%

Sàn giao dịch	HSX
Khoảng giá 52 tuần	45,600 - 55,000
Vốn hóa (tỷ VNĐ)	1,544
Số lượng CPLH (CP)	30,206,622
KLGD BQ 20 phiên (CP)	235
Sở hữu nước ngoài	0.6%
Beta	(0.10)
EPS	559
P/E	91.4

DT thuần

Q1/24

28.9

tỷ VNĐ

QoQ: ▼65.3| -69.4%

YoY: ▼1.20| -4.1%

LN trước thuế

Q1/24

0.41

tỷ VNĐ

QoQ: ▼12.1| -96.7%

YoY: ▼0.01| -1.9%

LN sau thuế

Q1/24

0.41

tỷ VNĐ

QoQ: ▼12.1| -96.7%

YoY: ▼0.01| -1.9%

ROA

2023

2.1%

+/- YoY: ▲ 0.9%

DT thuần

2023

183

tỷ VNĐ

YoY: ▲ 4.00| 2.2%

LN trước thuế

2023

17.0

tỷ VNĐ

YoY: ▲ 6.80| 67.1%

LN sau thuế

2023

17.0

tỷ VNĐ

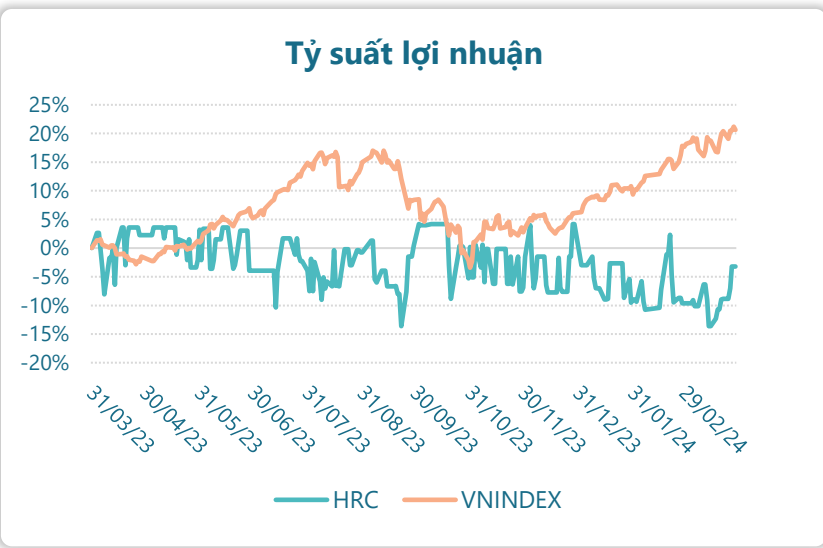
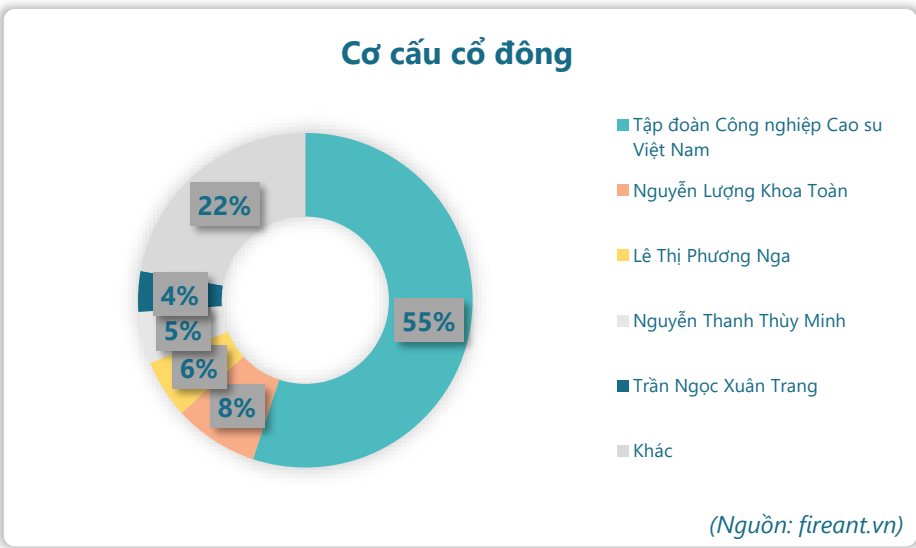
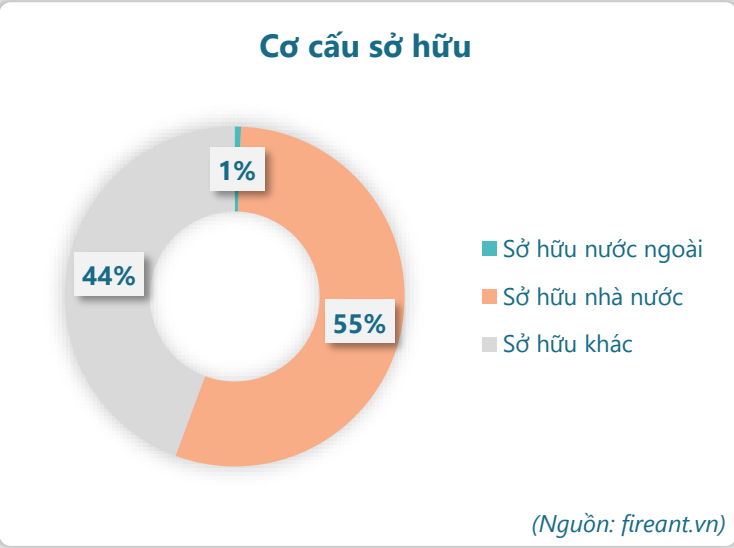
YoY: ▲ 6.80| 67.1%

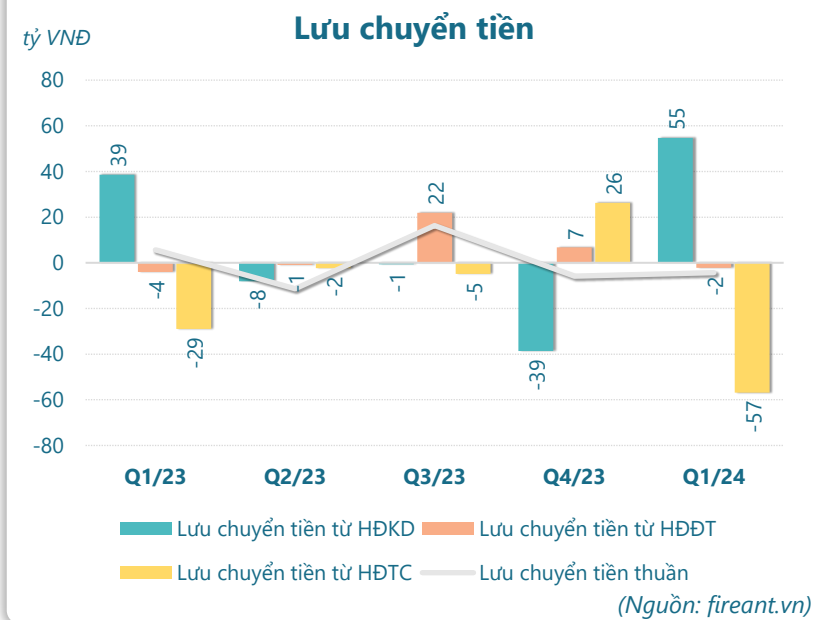
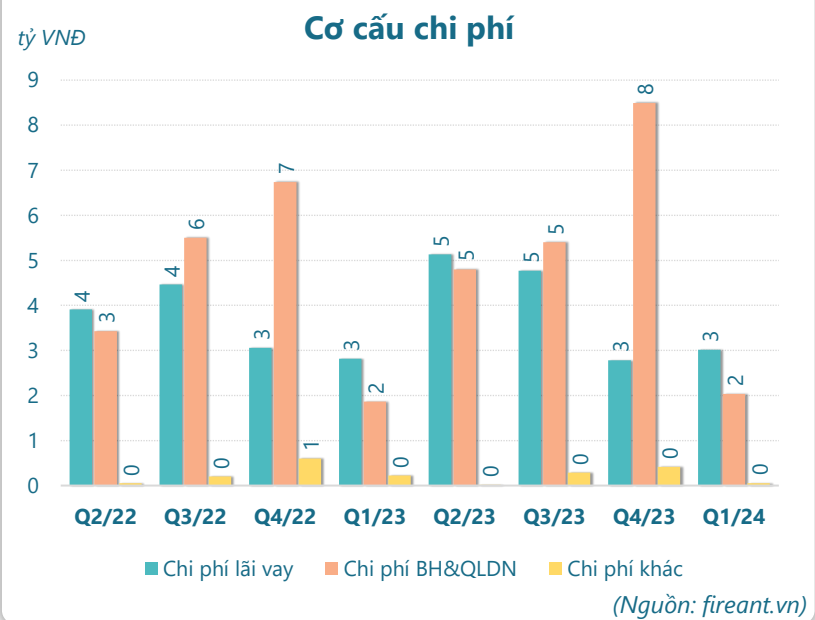
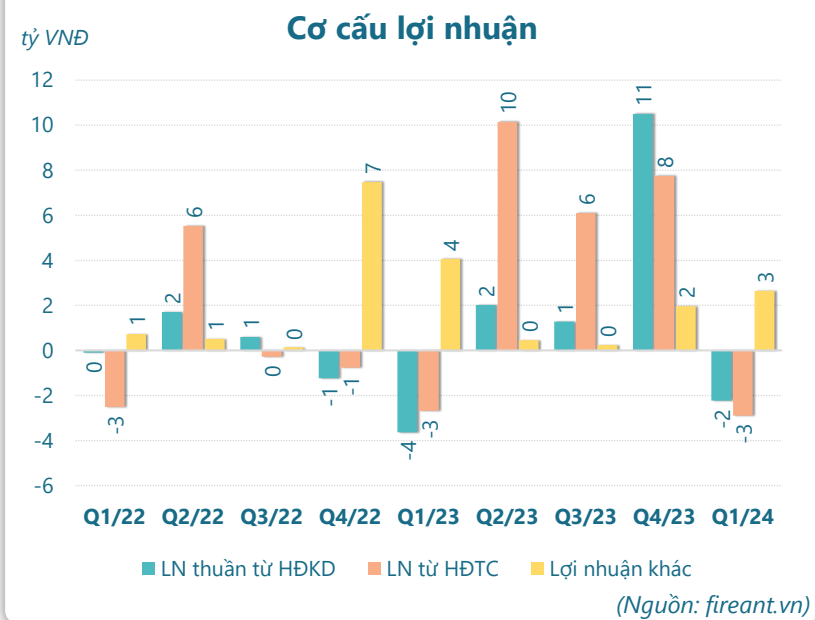
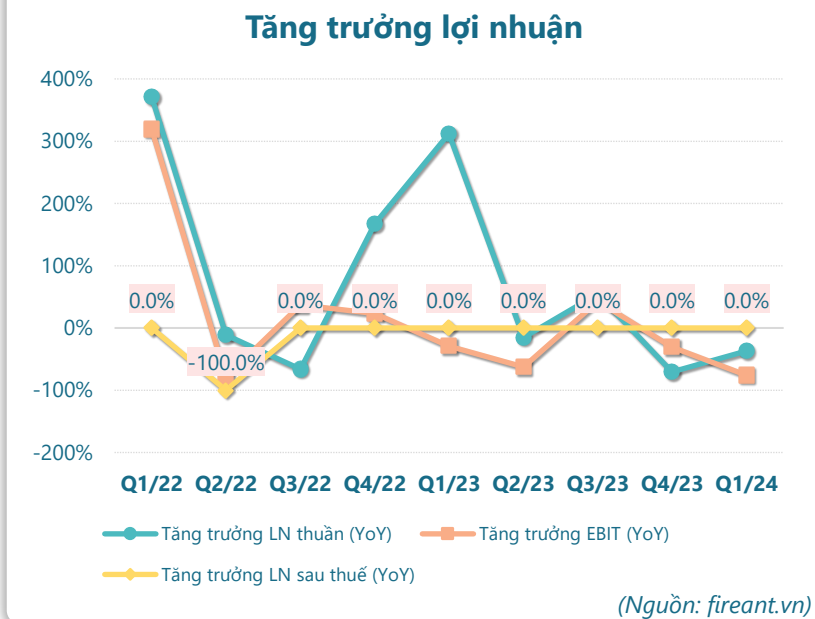
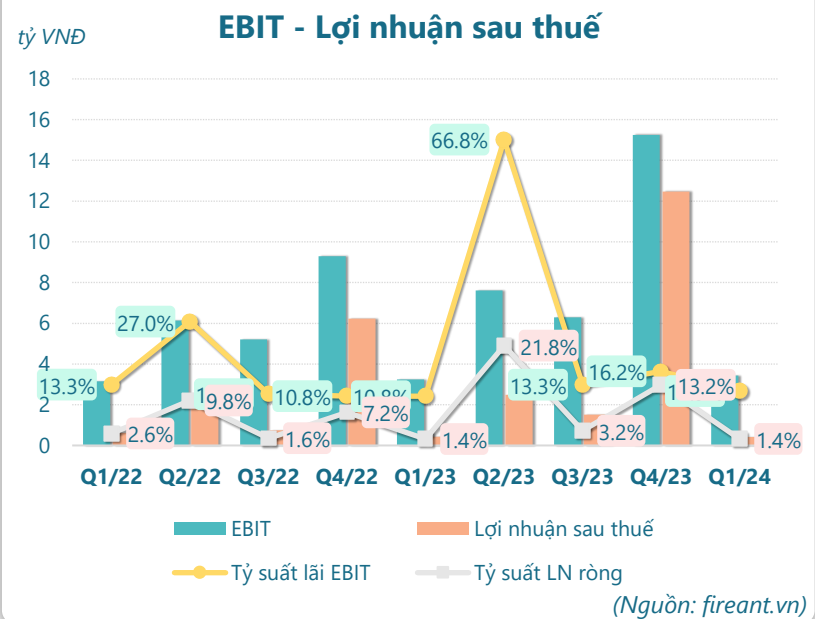
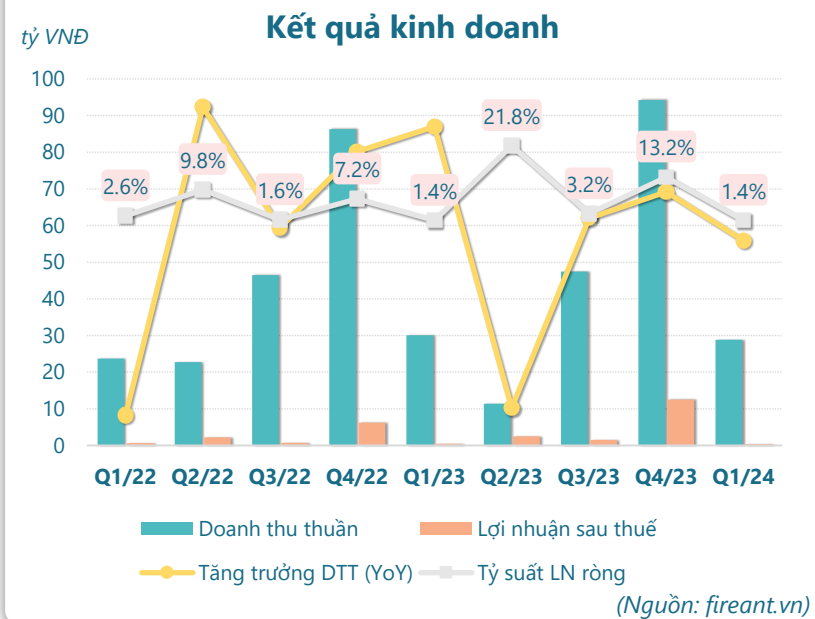
ROE

2023

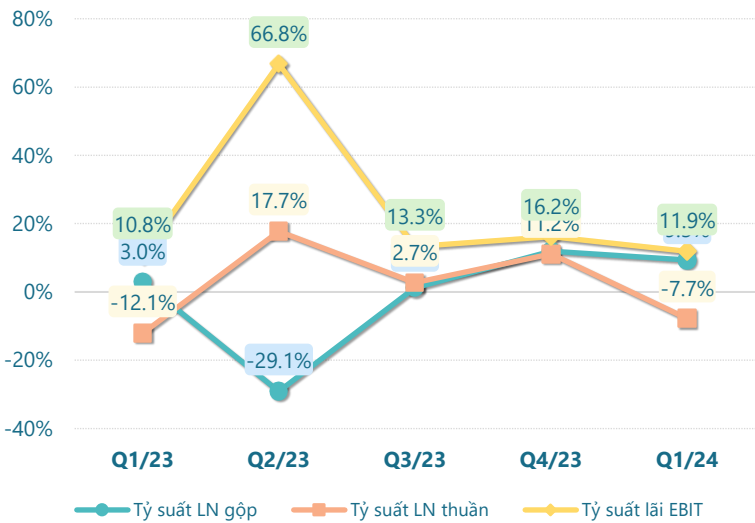
3.1%

+/- YoY: ▲ 1.2%



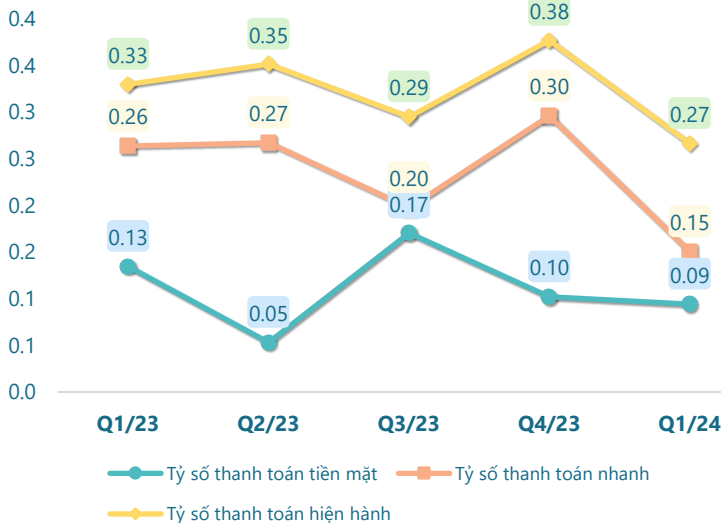


Tỷ suất lợi nhuận



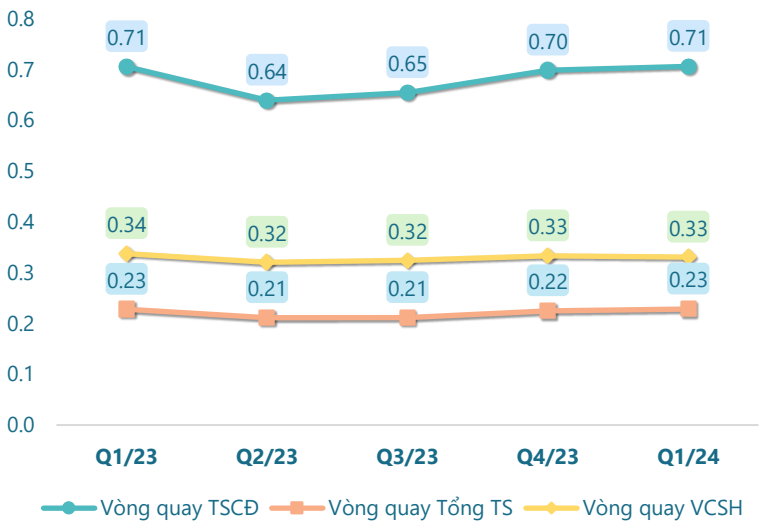
(Nguồn: fireant.vn)

Chỉ số thanh khoản



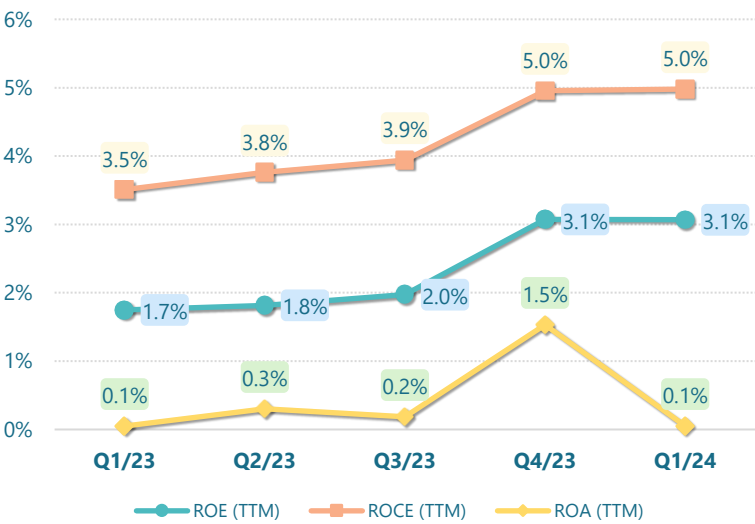
(Nguồn: fireant.vn)

Vòng quay tài sản



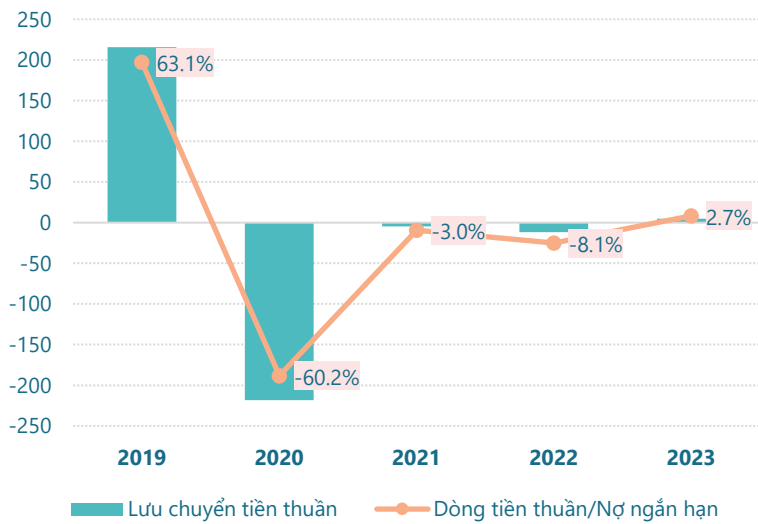
(Nguồn: fireant.vn)

Tỷ suất sinh lợi



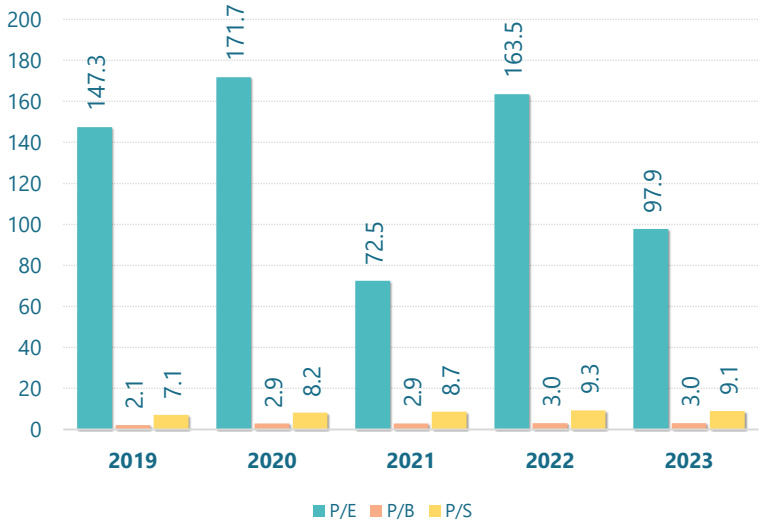
(Nguồn: fireant.vn)

Dòng tiền thuần trên Nợ ngắn hạn



(Nguồn: fireant.vn)

Nhóm chỉ số định giá



(Nguồn: fireant.vn)